TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-PT
Ngày 02 - 01 - 2025
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tân

Ông Nguyễn Phước Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 12 năm 2024 và ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 75/2024/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số: 45/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: anh Phạm Hữu P, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Người kháng cáo: anh Phạm Hữu P - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn thể hiện:

Chị Lê Thị Mỹ T và anh Phạm Hữu P đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 102/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/8/2023 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Về tài sản chung chưa được Toà án giải quyết.

Trong quá trình chung sống chị và anh P có tài sản chung là thửa đất số 141, tờ bản đồ số 4, diện tích là 80,4m²; loại đất trồng cây lâu năm; do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06/6/2019. Trên đất có căn nhà do chị và anh P xây dựng trong thời gian chung sống. Nhà, đất hiện toạ lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Mặc dù đã ly hôn nhưng nhà, đất hiện do chị và anh P cùng quản lý. Nguồn gốc đất do vợ chồng nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị C ở cùng ấp vào khoảng năm 2018. Ngoài nhà đất nêu trên, chị và anh P không còn phần đất khác.

Chị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, cho chị được nhận quản lý thửa đất 141 gắn liền với nhà có trên đất; đồng ý chia hoàn trả giá trị thửa đất 141 và giá trị nhà cho anh P theo định giá của Toà án, ngoài ra không có yêu cầu khác.

Bị đơn anh Phạm Hữu P trình bày: thống nhất lời trình bày của chị T, anh chị đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 102/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/8/2023 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long nhưng về tài sản chung tự thoả thuận, chưa được Toà án giải quyết.

Anh P không đồng ý yêu cầu của chị T, do giá trị nhà đất không phù hợp giá thực tế. Anh P yêu cầu giao nhà, đất cho chị T quản lý, khi con lớn sẽ giao cho con toàn quyền quyết định mà không chia cho anh P, chị T. Nếu phải chia thì vợ chồng tự kêu bán được bao nhiêu tiền thì chia đôi giá trị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 33, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T.

Chia cho nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T thửa đất số 141, tờ bản đồ số 4, diện tích là 80,4m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, do nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 210057, số vào sổ CS07640 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2019 và và căn nhà cấp 4 có trên đất, hiện toạ lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (hình thể, vị trí, giáp giới phần đất được chia thể hiện từ mốc 1, 2, B, 3, 4, 5, A, 1 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23 tháng 02 năm 2024 kèm theo).

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T có trách nhiệm hoàn trả giá trị nhà, đất được chia cho bị đơn anh Phạm Hữu P với số tiền là 74.252.000 đồng (bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Bị đơn anh Phạm Hữu P được lưu cư trên tài sản được chia nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn này bị đơn anh Phạm Hữu P có trách nhiệm bàn giao nhà, đất được chia cho nguyên đơn Lê Thị Mỹ T.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 9 năm 2024, bị đơn anh Phạm Hữu P có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện M. Giao anh T quản lý sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 4, diện tích 80,4m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm do bà Lê Thị Mỹ T đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 210057, số vào số CS07640 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 06/6/2019 và và căn nhà cấp 4 có trên đất, hiện toạ lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Anh đồng ý trả giá trị nhà, đất cho chị Lê Thị Mỹ T với số tiền 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh P trình bày: Anh P xác định giá nhà đất là 400.000.000 đồng. Anh P yêu cầu giao nhà đất cho chị T được toàn quyền quản lý, sở hữu và sử dụng nhưng chị T có nghĩa vụ chia cho anh giá trị ½ nhà đất trên là 200.000.000 đồng. Anh P đồng ý thời hạn lưu cư 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị T trình bày: Chị T đồng ý giá trị nhà đất chia tài sản chung như anh P yêu cầu là 400.000.000 đồng. Chị T đồng ý nhận nhà đất, chị được toàn quyền quản lý, quyền sở hữu và sử dụng nhà đất và đồng ý chia cho anh P giá trị nhà đất trên là tài sản chung vợ chồng bằng số tiền 200.000.000 đồng. Chị T đồng ý cho anh P được lưu cư thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hữu P. Sửa bản án sơ thẩm số 75/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự giữa chị T và anh P. Công nhận cho chị T được quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 4, diện tích là 80,4m², loại đất trồng cây lâu năm và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn trên thửa đất. Nhà và đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Buộc chị Lê Thị Mỹ T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà, đất chia tài sản chung cho anh Phạm Hữu P số tiền là 200.000.000 đồng. Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh P, anh P được lưu cư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn nêu trên anh P có trách nhiệm di dời giao nhà đất trên cho chị T.

Về án phí sơ thẩm: Anh P và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm anh P và chị T thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án như sau:

[1.1] Chị T và anh P tự nguyện thỏa thuận thống nhất giá trị nhà đất thửa đất số 141, tờ bản đồ số 4, diện tích là 80,4m², loại đất trồng cây lâu năm căn nhà cấp 4 gắn trên thửa đất nêu trên, loại nhà trệt độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền gạch men, mái tôn có trần, diện tích 56,8m^2 và một mái che liền kề, khung tiền chế, tường xây gạch, nền gạch men + xi măng, mái tôn có trần, diện tích 8m^2. Nhà và đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long là 400.000.000 đồng.

[1.2] Chị T và anh P tự nguyện thỏa thuận: Chị T được quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 4, diện tích là 80,4m², loại đất trồng cây lâu năm và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn trên thửa đất nêu trên, loại nhà trệt độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền gạch men, mái tôn có trần, diện tích 56,8m^2 và một mái che liền kề, khung tiền chế, tường xây gạch, nền gạch men + xi măng, mái tôn có trần, diện tích 8m^2. Nhà và đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Chị T có nghĩa vụ hoàn giá trị nhà đất chia tài sản chung cho anh P số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Chị T và anh P thỏa thuận, anh P được lưu cư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn nêu trên anh P có trách nhiệm giao nhà, đất trên cho chị T.

[2] Xét sự thỏa thuận nguyên đơn chị T và bị đơn anh P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự và sửa án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, do đó anh P và chị T mỗi bên phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do sửa án sơ thẩm nên anh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 và 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Hữu P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2024/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Căn cứ các Điều 33 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Công nhận cho chị Lê Thị Mỹ T được quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 4, diện tích là 80,4m², loại đất trồng cây lâu năm và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn trên thửa đất nêu trên, loại nhà trệt độc lập, móng khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền gạch men, mái tôn có trần, diện tích 56,8m^2 và một mái che liền kề, khung tiền chế, tường xây gạch, nền gạch men + xi măng, mái tôn có trần, diện tích 8m^2. Nhà và đất tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Vĩnh Long lập ngày 23 tháng 02 năm 2024).

Buộc chị Lê Thị Mỹ T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà, đất chia tài sản chung cho anh Phạm Hữu P số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh P, anh P được lưu cư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn nêu trên anh P có trách nhiệm di dời giao nhà đất trên cho chị T.

Chị T có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc anh P phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và chị T phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.467.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số N_0 0005456 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Chị T còn phải nộp 8.533.000 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi ba ngàn đồng) mới đủ.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Anh Phạm Hữu P không phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh P số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp ngày 11/9/2024 theo biên lai thu số N_0 0005931 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL;
- TAND huyện M, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS huyện M, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Tân **Nguyễn Phước Hùng** **Võ Thị Mỹ Dung**